

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/DS-ST
Ngày: 17 - 6 - 2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Luân

Ông K' Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Cương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-DS ngày 28/5/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị H, sinh năm: 1962; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- **Bị đơn:** Vợ chồng ông Ha D, sinh năm: 1983, bà K' B, sinh năm: 1988; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/01/2024 và lời trình bày của nguyên đơn bà Bùi Thị H:

Xuất phát từ việc bà và vợ chồng ông Ha D, bà K' B có mối quan hệ quen biết với nhau, nên ngày 02/02/2022 bà có cho vợ chồng ông Ha D, bà K1 vay số tiền 118.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận bằng lời nói là 2,5%/tháng, trả tiền lãi hàng tháng, thời hạn trả trong vòng 02 tháng để vợ chồng ông Ha D, bà K' Bình bán đất trả. Hai bên có lập một giấy nhận nợ ngày 02/02/2022 có chữ ký xác nhận của bà K' B, bà đã giao số tiền vay trên cho vợ chồng ông Ha D, bà K1.

Đến nay vợ chồng ông Ha D, bà K' B đã bán được đất nhưng không trả cho bà bất kỳ khoản tiền nào, mặc dù bà đã yêu cầu rất nhiều lần nhưng vợ chồng ông Ha D, bà K' B không có thiện chí trả tiền.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Ha D, bà K' B phải trả cho bà số tiền vay gốc 118.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/6/2024) là 55.825.800 đồng (118.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 28 tháng 15 ngày). Tổng cộng là 173.825.800 đồng.

Ngoài khoản nợ trên thì vợ chồng ông Ha D, bà K' B còn nợ bà khoản tiền 5.000.000 đồng vay năm 2012, nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ này.

Ngoài ra, bà H không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn vợ chồng ông Ha D, bà K' B trình bày:

Năm 2018, vợ chồng ông bà có vay của bà Bùi Thị H số tiền 100.000.000 đồng, đến năm 2020 vợ chồng ông bà đã trả cho bà H hết số tiền trên. Ngày 02/02/2022, bà H cho rằng sổ vay tiền cũ bị thất lạc nên yêu cầu vợ chồng ông bà ký lại giấy vay tiền để theo dõi, do tin tưởng bà H nên vợ chồng ông bà đã ký; vợ chồng ông bà thừa nhận chữ ký tại giấy vay tiền ngày 02/02/2022 là của bà K' B. Ngoài ra, vợ chồng bà ký vào giấy vay tiền ngày 02/02/2022 là do bà H còn ép buộc, đe dọa nếu không ký thì sẽ nhờ người quây phá gia đình, do thời điểm đó cháu ruột mới sinh con được 05 ngày và đang ở nhờ nhà ông bà nên vợ chồng ông bà đồng ý ký giấy vay tiền để yên chuyện; sự việc trên vợ chồng ông bà không báo chính quyền địa phương. Tuy vợ chồng ông bà không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng đó là sự thật.

Khi ký giấy vay tiền thì các bên không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả, tất cả các khoản vay của bà H là nợ chung của vợ chồng.

Đối với giấy hẹn trả nợ ngày 17/4/2024, vợ chồng ông bà không thực hiện là do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chưa vay được tiền. Vợ chồng ông bà có đến nhà bà H xin hẹn lại đến tháng 12/2024 trả số tiền trên, nhưng bà H không đồng ý. Mục đích ngày 17/4/2024 vợ chồng ông bà lập giấy hẹn trả nợ với nội dung đồng ý trả cho bà H số tiền 118.000.000 đồng là để giải quyết dứt điểm tranh chấp.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì vợ chồng ông bà không đồng ý vì thực tế vợ chồng ông bà không còn nợ.

Ngoài ra, vợ chồng ông Ha D, bà K' B không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa,

Bà Bùi Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông Ha D, bà K' B có nghĩa thanh toán cho bà 118.000.000 đồng tiền gốc và 55.825.800 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 173.825.800 đồng.

Vợ chồng ông Ha D, bà K' B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn sơ thẩm cũng

như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Ha D, bà K’ B. Buộc vợ chồng ông Ha D, bà K’ B phải trả cho bà Bùi Thị H số tiền nợ gốc 118.000.000 đồng và tiền lãi 3.918.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn bà Bùi Thị H cho rằng ngày 02/02/2022 có cho bị đơn vợ chồng ông Ha D, bà K’ B vay số tiền 118.000.000 đồng; các bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 2,5%/tháng và thời hạn vay trong vòng hai tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng thì bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H thấy rằng:

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 02/02/2022 thể hiện bà K’ B có ký vay bà H số tiền 118.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông Ha D, bà K’ B thừa nhận ngày 02/02/2022 bà K’ B có ký giấy xác nhận vay của bà H số tiền 118.000.000 đồng, nhưng lại cho rằng thực tế không vay số tiền trên, mà xuất phát từ khoản vay 100.000.000 đồng năm 2018, đến năm 2020 thì đã trả hết nợ cho bà H. Ngày 02/02/2022, bà H cho rằng sổ vay tiền cũ bị thất lạc nên yêu cầu vợ chồng ông bà ký lại giấy vay tiền để theo dõi; ngoài ra bà H còn ép buộc, đe dọa nếu không ký sẽ nhờ người quậy phá gia đình nên vợ chồng ông bà mới đồng ý ký xác nhận.

Xét thấy, ngoài lời trình bày thì vợ chồng ông Ha D, bà K’ B không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, trong khi đó bà H cũng không thừa nhận.

Hơn nữa, tại Bản tự khai ngày 04/4/2024 và Giấy hẹn trả nợ ngày 17/4/2024 thể hiện nội dung vợ chồng ông Ha D, bà K’ B đồng ý trả cho bà H số tiền 118.000.000 đồng; trong trường hợp vợ chồng ông Ha D, bà K’ B không vay thì không thể đồng ý trả cho bà H số tiền trên.

Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông Ha D, bà K’ B thừa nhận ngày 17/4/2024 viết giấy hẹn trả số tiền 118.000.000 đồng cho bà H là hoàn toàn tự nguyện, không bị cưỡng ép, ép buộc và mục đích viết giấy hẹn trả nợ trên là không muốn bà H khởi kiện, nhưng do không thu xếp được tiền nên đến nay chưa trả cho bà H.

Do đó, căn cứ vào giấy vay tiền ngày 02/02/2022, Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông Ha D, bà K' B có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền vay gốc 118.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với việc bà H yêu cầu tính lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc 118.000.000 đồng từ ngày 02/02/2022 đến ngày xét xử (17/6/2024), mức lãi suất 1,66%/tháng với số tiền 55.825.800 đồng ($118.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 28 \text{ tháng}$ 15 ngày) thấy rằng:

Bà H cho rằng theo giấy vay ngày 02/02/2022 không thể hiện lãi suất và thời hạn vay, nhưng thực tế các bên có thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng và thời hạn vay là trong vòng 02 tháng. Tuy nhiên, bà H không có chứng cứ chứng minh, vợ chồng ông Ha D, bà K' B cũng không thừa nhận và cho rằng khi các bên xác lập giấy vay ngày 02/02/2022 không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi suất của bà H; xác định và tính lãi suất từ thời điểm vợ chồng ông Ha D, bà K' B vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày bà H có đơn khởi kiện (24/01/2024) đến ngày xét xử (17/6/2024) là 4 tháng 24 ngày với mức lãi suất 10%/năm được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là có căn cứ. Cụ thể: $118.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 4 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 4.720.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền vợ chồng ông Ha D, bà K' B có nghĩa vụ thanh toán cho bà H là 122.720.000 đồng (Trong đó nợ gốc 118.000.000 đồng, nợ lãi 4.720.000 đồng).

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, để tuyên xử theo hướng đã nhận định.

[4] Về án phí: Buộc vợ chồng ông Ha D, bà K' B phải chịu 6.136.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho bà H (122.720.000 đồng x 5%).

Bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận. Tuy nhiên, do hiện nay bà H đã trên 60 tuổi; là người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 và có đơn xin miễn án phí nên cần căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Ha D, bà K’ B.

Buộc vợ chồng ông Ha D, bà K’ B có trách nhiệm thanh toán cho bà Bùi Thị H số tiền 122.720.000 đồng (Trong đó nợ gốc 118.000.000 đồng, nợ lãi 4.720.000 đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về việc yêu cầu vợ chồng ông Ha D, bà K’ B thanh toán số tiền lãi 51.105.800 đồng.

3. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Ha D, bà K’ B phải chịu 6.136.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị H.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lâm Hà;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phước Minh Phong